

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 7 - 2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn,

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Cường và Mai Đức Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Mai Văn T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 27 tháng 3 năm 2023, được bổ sung tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Mai Văn T trình bày: Anh và chị Lê Thị H tìm hiểu và lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 03-02-2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ Anh tại thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau; chị H bỏ đi biệt tích từ tháng 6/2015 đến nay không liên lạc với Anh và gia đình. Anh và gia đình không có tin tức của chị H và không biết chị H đi đâu, làm gì. Ngày 03 tháng 8 năm 2022, Toà án đã tuyên bố chị H mất tích tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2022/QĐ-VDS; từ đó đến nay chị H cũng không có thông tin, liên lạc gì về với gia đình nội ngoại. Do vợ chồng sống ly thân đã lâu, hiện nay, Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh được ly hôn chị Lê Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên là Mai Thị Yến N, sinh ngày 29-9-2012 hiện đang ở với Anh. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn, Anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập, nhưng vắng mặt. Ngày 09 tháng 5 năm 2023, Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh, lấy lời khai của bà Nguyễn Thị L - mẹ đẻ chị H, bà L cho biết: Chị Lê Thị H và anh Mai Văn T tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2012, sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh T ở thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vợ chồng sống chung hạnh phúc còn nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn thì Bà không biết. Năm 2015, Lê Thị H bỏ đi biệt tích cho đến nay không nói gì với Bà; không tin tức, liên lạc về với gia đình, Bà không biết lý do vì sao H lại bỏ đi. Hiện nay, Mai Văn T làm đơn xin ly hôn đó là quyền của T quyết định, Bà không có ý kiến gì.

Vợ chồng Mai Văn T và Lê Thị H có 01 con chung, tên là Mai Thị Yến N, sinh ngày 29-9-2012 đang ở với T. Việc con cái ở với ai do bố mẹ (T - H) quyết định và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Theo Bà được biết vợ chồng T - H có một số tài sản chung nhưng cụ thể Bà không biết.

Bà đã nhận được Quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án, H bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2015 đến nay, không tin tức, liên lạc gì về cho gia đình, Bà không biết hiện nay H đi đâu, làm gì, từ khi có Quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án, H không trở về và cũng không có tin tức gì cho gia đình.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 39, 48, 49, 68, 93, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị H. Về con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử giao con Mai Thị Yến N, sinh ngày 29-9-2012 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời không buộc chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung: Anh T khai không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau này chị H có tranh chấp về tài sản sẽ giải quyết vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Anh Mai Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lê Thị H, có địa chỉ thôn P, xã G, huyện Q và giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Mai Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn chị Lê Thị H, được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Văn T và chị Lê Thị H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, không tìm tiếng nói chung, nên vợ chồng xảy ra gây gổ, cãi vã nhau, làm ảnh hưởng đến tình cảm, hạnh phúc gia đình. Chị Lê Thị H đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 6 năm 2015 đến nay, không có tin tức, liên lạc với gia đình và anh T. Anh T đã nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích; ngày 03 tháng 8 năm 2022, Tòa án đã tuyên bố chị H mất tích tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2022/QĐ-VDS. Sau khi tuyên bố mất tích đến nay, chị H không trở về và cũng không có tin tức gì cho gia đình và anh T. Điều đó, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, chị H không có mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[4] Về quan hệ con chung: Anh Mai Văn T và chị Lê Thị H có 01 con chung tên Mai Thị Yến N, sinh ngày 29-9-2012. Anh T có nguyện vọng xin được nuôi con, vì con đã sống với Anh từ nhỏ, chị H bỏ đi không có tin tức gì và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng của anh T là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Mai Văn T khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét. Sau này chị H có tranh chấp về tài sản sẽ giải quyết vụ án khác.

[6] Về án phí: Anh Mai Văn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử cho ly hôn giữa anh Mai Văn T và chị Lê Thị H.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử giao cháu Mai Thị Yến N, sinh ngày 29-9-2012 cho anh Mai Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2023 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tạm thời không buộc chị Lê Thị H cấp dưỡng tiền nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Mai Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004066 ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Mai Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã T;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhân

